

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2023

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Cương;
2. Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXX-ST ngày 03/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc M, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Quốc M sống chung như vợ chồng từ năm 2002 đến nay, không đăng ký kết hôn. Những năm gần đây, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông M là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 27/8/2002 và Nguyễn Thị Minh L, sinh ngày 31/5/2004 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu chia tài sản chung là xe mô tô Yamaha Nouvo, biển kiểm soát 62-P1 112.78 và xe mô tô Wave, biển kiểm

soát 62-P1 932.60 do ông M đứng tên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H rút lại yêu cầu chia tài sản chung, để các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc M trình bày tại phiên tòa:

Ông và bà H sống chung từ năm 2002 đến nay, không đăng ký kết hôn. Ông biết bà H nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập ông nhiều lần, ông đều đến Tòa nhưng sau đó bỏ về. Đối với yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà H, ông không am hiểu pháp luật nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 27/8/2002 và Nguyễn Thị Minh L, sinh ngày 31/5/2004 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này có phát sinh tranh chấp ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Thanh H nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Quốc M có địa chỉ cư trú tại xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông M chung sống như vợ chồng từ năm 2002 đến nay, không đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã M xác nhận tại Đơn xin xác nhận ngày 20/02/2023. Việc sống chung như vợ chồng của bà H, ông Minh mà không đăng ký kết hôn đã không tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông M. Ông M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà H đối với ông M.

Về con chung: Bà H và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 27/8/2002 và Nguyễn Thị Minh L, sinh ngày 31/5/2004 đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà H.

Về nợ chung: Bà H và ông M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 218, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Thanh H đối với ông Nguyễn Quốc M.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị Thanh H và ông Nguyễn Quốc M là vợ chồng.

Về con chung: Bà Võ Thị Thanh H và ông Nguyễn Quốc M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 27/8/2002, Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 31/5/2004; đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị Thanh H. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008022 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Hoàn trả cho bà H 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008021 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho